



shēn sè

深色

noun · dark color

Example Sentences

Tā xǐ huān chuān shēn sè de yī fu
她喜欢穿深色的衣服。

She likes to wear dark-colored clothes.

Shēn sè de qiáng miàn ràng fáng jiān xiǎn de gèng xiǎo
深色的墙面让房间显得更小。

Dark-colored walls make the room look smaller.

Trace each character, then write the word on your own.

深	深	深	深	深	深	深	深	深	深	深
深	深	深								
色	色	色	色	色	色	色	色	色		